

Bản án số: 268/2024/HC-PT

Ngày 10 – 4 – 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong trường hợp bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1010/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1010/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Trần Thiên T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B;

2. Chủ tịch UBND thành phố B (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A đường B T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Thế T1; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ

đất thành phố B (có mặt);

2. Ông Trần Chí T2; Chức vụ: Phó Phòng Nghiệp vụ - Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (có mặt);

3. Ông Mạch Tuấn T3; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thanh D - Chủ tịch UBND thành phố B là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Bà T là chủ sử dụng thửa đất 890 tờ bản đồ số 30 xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 286,9m², trong đó có 60m² đất ở.

Nguồn gốc đất là của ông bà ngoại bà T là ông Lê Minh T4 (đã mất) và bà Lê Thị L mua lại và ở trên đất từ năm 1992. Năm 2015, ông T4 mất, gia đình làm thủ tục thừa kế, tách thửa 890 cho bà T (trên đất có 60m² đất ở). Do thời điểm này bà T đi học không thường xuyên về nhà nên để anh là Lê Đức T5 đứng tên hộ, đến năm 2022 thì sang tên lại cho bà T.

Nguồn gốc công trình xây dựng trên đất (đất ở) là do bà Lê Thị L - bà ngoại bà T xây dựng năm 2016, mục đích là nơi sinh hoạt chung cho con cháu, sau này cải tạo thành nơi ở. Bà T thường xuyên ở căn nhà này, tuy nhiên từ năm 2020, do công việc thường xuyên đi lại, tiếp xúc nhiều người nên căn nhà được sử dụng làm nơi cách ly phòng chống dịch Covid 19 cho đến nay.

Bà T hưởng ứng chủ trương thu hồi đất và đã bàn giao mặt bằng cho dự án đường C - Vũng Tàu. Tuy nhiên, tại Quyết định số 492/QĐ-UBND của UBND thành phố B và Quyết định số 1690/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết khiếu nại của bà T lại xác định nhà trên đất xây dựng năm 2019, không đủ điều kiện bồi thường.

Căn cứ quy định tại điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 về các công trình được miễn giấy phép xây dựng thì nhà bà T do bà ngoại xây dựng trên diện tích 44m² đất ở thuộc nhà ở riêng lẻ tại nông thôn được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, tại Quyết định 1690 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B lại căn cứ vào khoản 30 Điều 1 Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014, qua đó sửa đổi bổ sung Điều 89 quy định chung về cấp phép xây dựng. Việc áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm hiện tại cho các hành vi hành chính đã xảy ra trước đó ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T.

Bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ mục II.1 Bồi thường về nhà, vật kiến trúc; mục IV.1 Bồi thường chi phí di chuyển và mục IV.2 Hỗ trợ tiền thuê nhà tại Điều 1 Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B về việc bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T để đầu tư thực hiện dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B giai đoạn 1, đoạn qua xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 1).

-Hủy Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu).

- Buộc UBND thành phố B bồi thường đối với công trình nhà (Nhà 1 tầng, khung gỗ, mái lợp ngói, vách ván ép, nền gạch ceramic, không trần, cửa nhôm kính) xây dựng trên đất ở.

- Buộc UBND thành phố B hỗ trợ chi phí di dời tài sản và di chuyển chỗ ở cho gia đình bà Trần Thiên T đúng theo quy định hiện hành.

Ý kiến của người bị kiện là UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B như sau:

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3829/QĐ-UBND của UBND tỉnh B về việc phê duyệt Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B giai đoạn 1;

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 264/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để đầu tư thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7029/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố B về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để đầu tư thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, UBND thành phố B ban hành Thông báo thu hồi đất về việc thu hồi 282,0m² đất của bà Trần Thiên T để đầu tư thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, UBND tỉnh B ban hành Kế hoạch số 46/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố B;

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND về việc thu hồi 282,0m² đất của bà Trần Thiên T, địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T, địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B;

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2109/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T, địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B.

Bà Trần Thiên T cũng tham dự tất cả các cuộc họp, từ triển khai thông báo thu hồi đất, kiểm đếm công trình đến buổi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Bà T có ký xác nhận trong danh sách dự họp công khai và danh sách nhận Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường.

1. Về nội dung bồi thường, hỗ trợ Nhà, vật kiến trúc:

Bà Trần Thiên T có GCNQSD đất số DD 015692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 09 tháng 6 năm 2022, diện tích 286,9m² (có 60m² đất ở và 226,9m² đất nông nghiệp), thửa 890 tờ bản đồ số 30 xã T.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T với tổng số tiền bồi thường là 1.481.824.700 đồng, gồm: Bồi thường đất ở 60m² x 10.249.000 đồng = 614.940.000 đồng, bồi thường đất nông nghiệp 222m² x 3.255.000 đồng = 722.610.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 222 x 405.000 đồng = 89.910.000 đồng; Bồi thường cây trồng 32.764.700 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 21.600.000 đồng; Bồi thường đất ở (tái định cư) 01 lô; Vật kiến trúc (chờ UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022). Riêng nhà xây dựng năm 2019 không đủ điều kiện bồi thường;

Theo Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B, bà T không được bồi thường về nhà do nhà xây dựng từ năm 2019.

Theo Công văn số 317/QLĐT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Phòng Quản lý đô thị về việc xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn trên địa bàn 03 xã, thành phố B, có nội dung:

Căn cứ khoản 30 Điều 1 Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014) qua đó sửa đổi, bổ sung Điều 89 quy định chung về cấp giấy phép xây dựng như sau:

“1. Công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư theo quy định của Luật này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng gồm: i) Công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng và thuộc khu

vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; trừ công trình, nhà ở riêng lẻ được xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa”.

Hiện nay, trên địa bàn 03 xã (T, H, L) đã có các quy hoạch được phê duyệt như sau:

1. Xã T:

- Quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư P được UBND Thị xã B (nay là thành phố B) phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 12 tháng 07 năm 2005.

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T được UBND Thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Do đó, các công trình xây dựng trên địa bàn 03 xã (T, H, L) không thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng và khi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ phải có giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây Dựng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 24 quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B: *“Hỗ trợ thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất mà phải tháo dỡ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nhưng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt bị tháo dỡ không đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại:*

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật nhưng đã xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính thì được xem xét hỗ trợ theo quy định sau đây:

2. Đối với khu vực nông thôn:...

d) Trường hợp xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 không được hỗ trợ.”

Đối chiếu các quy định trên, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T do giải tỏa Dự án thành phần 3, thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua xã T, (theo đó, bà T không được bồi thường về nhà và cũng không được hỗ trợ về nhà do nhà của bà T được xây dựng từ năm 2019 nhưng không được cấp phép xây dựng theo quy định) là đúng theo quy định.

2. Về nội dung bồi thường chi phí di chuyển:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B:

“Điều 12. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

Việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 91 Luật Đất đai thực hiện theo quy định sau đây:

“1. Bồi thường cho trường hợp phải di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất:

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển tài sản như sau:

a) Nếu di chuyển tài sản trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, mức bồi thường là sáu triệu ba trăm ngàn (6.300.000) đồng đối với một (01) hộ hoặc một (01) tổ chức”

Đối chiếu với quy định trên, trường hợp bà T có giải tỏa nhà, phải di chuyển tài sản nên được bồi thường chi phí di chuyển tài sản, UBND thành phố xem xét tính toán bổ sung theo quy định.

3. Về nội dung hỗ trợ di chuyển chỗ ở (hỗ trợ tiền thuê nhà):

Căn cứ khoản 5 Điều 25 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B.

“Điều 25. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở:

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư, nếu không nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà nhận bằng tiền thì được hỗ trợ sáu (06) tháng tiền thuê nhà”.

Trường hợp bà Trần Thiên T được UBND thành phố B ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải tỏa Dự án thành phần 3, thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua xã T, với tổng số tiền bồi thường là 1.481.824.700 đồng, gồm: Bồi thường đất ở $60m^2 \times 10.249.000$ đồng = 614.940.000 đồng, bồi thường đất nông nghiệp $222m^2 \times 3.255.000$ đồng = 722.610.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 222×405.000 đồng = 89.910.000 đồng; Bồi thường cây trồng 32.764.700 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 21.600.000 đồng; Bồi thường đất ở (01 lô). Đồng thời bà Trần Thiên T cũng thống nhất đồng ý bóc thăm đối với lô đất bồi thường bằng đất ở tại Biên bản làm việc ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố.

Liên quan đến nội dung trên, tại mục II.1, Điều 1 Bồi thường về nhà, vật kiến trúc của Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T thì nhà được xác định nhà tạm loại 2, không có thiết bị vệ sinh (không thực tế ở).

Đối chiếu với các quy định trên, nội dung đề nghị hỗ trợ di chuyển chỗ ở (hỗ trợ tiền thuê nhà) cho gia đình bà Trần Thiên T là không có cơ sở xem xét.

4. Về nội dung hủy bỏ Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu).

Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Do đó, nội dung bà Trần Thiên T yêu cầu hủy Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu) là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối chiếu với quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B ban hành Quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T, địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B là đúng quy định.

Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thiên T về việc:

- Hủy một phần (mục II.1 Bồi thường về nhà, vật kiến trúc; mục IV.1 Bồi thường chi phí di chuyển và mục IV.2 Hỗ trợ tiền thuê nhà tại Điều 1) Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T để đầu tư thực hiện

dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B giai đoạn 1, đoạn qua xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 1).

- Hội Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu).

- Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường đối với công trình nhà (Nhà 1 tầng, khung gỗ, mái lợp ngói, vách ván ép, nền gạch ceramic, không trần, cửa nhôm kính) xây dựng trên đất ở cho bà Trần Thiên T.

- Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ công vụ hỗ trợ chi phí di dời tài sản và hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà Trần Thiên T đúng theo quy định hiện hành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, người bị kiện có đơn kháng cáo đề Công văn số 11313/UBND-VP với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, vì lý do bản án sơ thẩm chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thiên T, cụ thể:

Về nội dung bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, nhà bà Trần Thiên T xây dựng năm 2019 thuộc tài sản gắn liền với đất được lập trái quy định của pháp luật, nên việc bà T đề nghị được bồi thường, hỗ trợ nhà là không có cơ sở xem xét, giải quyết. *Về nội dung bồi thường chi phí di chuyển*, trường hợp bà T có giải tỏa nhà, nhà không được bồi thường, hỗ trợ, không thực tế sinh sống tại căn nhà bị giải tỏa nên không phải di chuyển tài sản, việc bà đề nghị được bồi thường chi phí di chuyển tài sản là không có cơ sở. *Về nội dung hỗ trợ di chuyển chỗ ở (hỗ trợ tiền thuê nhà)*, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T thì nhà được xác định nhà tạm loại 2, không có thiết bị vệ sinh (không thực tế ở) nên nội dung đề nghị hỗ trợ di chuyển chỗ ở (hỗ trợ tiền thuê nhà) cho gia đình bà Trần Thiên T là không có cơ sở xem xét. *Về nội dung hủy bỏ Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu)*, bà Trần Thiên T yêu cầu hủy Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu) là không có cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người bị kiện có kháng cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn bảo lưu lời trình bày và quan điểm theo các nội dung đã trình bày tại tòa cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo theo Công văn số 11313/UBND-VP ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc kháng cáo

bản án hành chính số 146/2023/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Trần Thế T1, ông Trần Chí T2, cùng trình bày: Bảo lưu lời trình bày, quan điểm của người bị kiện như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cũng như các lý do và yêu cầu kháng cáo theo Công văn số 11313/UBND-VP ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc kháng cáo bản án hành chính số 146/2023/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Bà Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu của người khởi kiện, đồng ý đối với nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo của người bị kiện. Vì thế, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm khi quyết định đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, nên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tòa án sơ thẩm xác định là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của người bị kiện, xét:

[1]. Về tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:

[1.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B, Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định.

[1.2] Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc:

Bà Trần Thiên T có GCNQSD đất số DD 015692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 09 tháng 6 năm 2022, có diện tích 286,9m² (có 60m² đất ở và 226,9m² đất nông nghiệp), thửa 890 tờ bản đồ số 30, xã T, thành phố B.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND về việc thu hồi 282,0m² đất của bà Trần Thiên T để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc B (giai đoạn 1), đoạn qua thành phố B.

Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định 492 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thiên T. Theo đó, UBND thành phố B xác định nhà xây dựng từ năm 2019 không đủ điều kiện bồi thường.

UBND thành phố B căn cứ khoản 30 Điều 1 Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014 (có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021)) sửa đổi, bổ sung Điều 89 quy định chung về cấp giấy phép xây dựng như sau:

“1. Công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư theo quy định của Luật này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng gồm: i) Công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng và thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; trừ công trình, nhà ở riêng lẻ được xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa”.

Hiện nay, trên địa bàn 03 xã (xã T, xã H, xã L) đã có các quy hoạch được phê duyệt, trong đó xã T quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư P được phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 12 tháng 07 năm 2005, quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T được phê duyệt tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2015. Do đó, công trình xây dựng trên không thuộc trường

hợp miễn giấy phép xây dựng và khi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ phải có giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây Dựng.

Theo quy định tại Điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng 2014 quy định:

“Điều 89. Đối tượng và các loại giấy phép xây dựng:

2. Công trình được miễn giấy phép xây dựng gồm: k) Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.”

Bà T cho rằng trước đây đã có nhà, đến năm 2016 thì xây dựng công trình trên đất (Nhà 1 tầng, khung gỗ, mái lợp ngói, vách ván ép, nền gạch ceramic, không trần, cửa nhôm kính) đây là nhà được xây dựng trên đất ở của khu vực nông thôn, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn; UBND thành phố B xác định nhà xây dựng năm 2019.

*Tòa sơ thẩm cho rằng: Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021)) nên trường hợp nhà của bà T xây dựng năm 2019 được áp dụng điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng 2014 thuộc trường hợp công trình được miễn giấy phép xây dựng. Mặt khác bà T xây dựng nhà trên đất ở được nhà nước công nhận là 60m² đất ở là hoàn toàn phù hợp và quá trình xây dựng sinh sống không bị xử phạt vi phạm hành chính. Để từ đó chấp nhận: Nhà 1 tầng, khung gỗ, mái lợp ngói, vách ván ép, nền gạch ceramic, không trần, cửa nhôm kính của bà T có đủ điều kiện được bồi thường, là áp dụng căn cứ pháp luật không chính xác, bởi điểm k khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 quy định về nhà được miễn giấy phép xây dựng phải đủ điều kiện là: “Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt....”. Trong vụ án này, trường hợp của bà T là nhà xây dựng ở nông thôn nhưng thuộc khu vực có “**quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt**” đó là:*

Quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư P được phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 12 tháng 07 năm 2005 của UBND thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa, quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T được phê duyệt tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2015 của UBND thành phố B. Vì thế, người bị kiện kháng cáo cho rằng: Nhà xây dựng trên đất ở nông thôn của bà Trần Thiên T “*không thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng và khi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ phải có giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng nên không đủ điều kiện bồi thường theo điểm d khoản 2 Điều 24 quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện; Sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu đòi bồi thường: Nhà 1 tầng, khung gỗ, mái lợp ngói, vách ván ép, nền gạch ceramic, không trần, cửa nhôm kính của bà T.

[1.3] Về nội dung hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho gia đình bà Trần Thiên T đúng theo quy định hiện hành:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B:

“Điều 12. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất:

Việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 91 Luật Đất đai thực hiện theo quy định sau đây: 1. Bồi thường cho trường hợp phải di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển tài sản”.

UBND thành phố B thu hồi 282,0m²/286,9m² đất và toàn bộ nhà của bà T, do đó bà T thuộc trường hợp có giải tỏa toàn bộ nhà, phải di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất nên được bồi thường chi phí di chuyển tài sản. Tại Văn bản số 8734/UBND-VP ngày 23 tháng 8 năm 2023, UBND thành phố B cũng đã xác định bà T được bồi thường chi phí di chuyển tài sản nên sẽ bồi thường bổ sung theo quy định.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà T, buộc UBND thành phố B bồi thường đối với chi phí di chuyển tài sản cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử bác phần kháng cáo này của người bị kiện.

[1.4] Về nội dung hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở (tiền thuê nhà):

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Quy định bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh B:

“Điều 25. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất mà đủ điều kiện để được tái định cư theo quy định nhưng chậm được bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ nhận bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư theo quy định.

2. Thời gian hỗ trợ được tính từ ngày bàn giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đến ngày có Thông báo nhận đất ở, nhà ở tái định cư và cộng thêm một (01) tháng đối với hộ nhận nhà đã hoàn thiện; ba (03) tháng đối với hộ nhận nhà xây thô; sáu (06) tháng đối với hộ nhận đất ở để tự xây mới...”.

Tại Quyết định 492, UBND thành phố B bồi thường cho bà T 01 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, đến nay bà T chưa được bàn giao lô đất tái định cư, do đó bà T đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở (tiền thuê nhà) theo quy định.

Như vậy, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T buộc UBND thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho bà T là có căn cứ, đúng quy định và không mâu thuẫn với việc người bị kiện không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc tại mục [1.2.1] nêu trên, vì việc không bồi thường hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho bà T theo nhận định tại mục [1.2.1] là do bà T xây dựng nhà không phép nhưng thuộc khu vực bắt buộc phải có giấy phép xây dựng chứ không phải lý do không bồi thường là do người bị kiện xác định “*Nhà của bà T là nhà tạm loại 2, không có thiết bị vệ sinh (Không thực tế ở) nên không có căn cứ bồi thường*”. Theo đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, bác phần kháng cáo này của người bị kiện.

[1.5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện; Sửa một phần án sơ thẩm;

- Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc người bị kiện: Bồi thường về nhà, vật kiến trúc (mục II.1);

- Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện: Hủy một phần (mục IV.1 Bồi thường chi phí di chuyển và mục IV.2 Hỗ trợ tiền thuê nhà tại Điều 1) Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T; Hủy Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu); Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ công vụ hỗ trợ chi phí di dời tài sản và chi phí tiền thuê nhà ở cho gia đình bà Trần Thiên T đúng theo quy định hiện hành.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án, người bị kiện có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho người bị kiện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000060 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[3] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241; Điều 30; Điều 32; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B; Sửa một phần án sơ thẩm.

2. Bác yêu cầu của bà Trần Thiên T về yêu cầu: Hủy một phần (mục II.1 Bồi thường về nhà, vật kiến trúc tại Điều 1) Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T để đầu tư thực hiện dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B giai đoạn 1, đoạn qua xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 1).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thiên T:

3.1. Hủy một phần (mục IV.1 Bồi thường chi phí di chuyển và mục IV.2 Hỗ trợ tiền thuê nhà tại Điều 1) Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thiên T để đầu tư thực hiện dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc B giai đoạn 1, đoạn qua xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 1);

3.2. Hủy Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thiên T (lần đầu).

3.3. Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ công vụ hỗ trợ chi phí di dời tài sản và hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà Trần Thiên T đúng theo quy định hiện hành.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000060 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VT (2), HS (3), 25b, (TK-PH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu